TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/DS-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: số B - B đường N, phường H, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1999

Địa chỉ: số nhà B đường C tháng D, khu phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 1992

Trú tại: tổ A, ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(ông Đ và ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 18 tháng 10 năm 2022 ông Trần Ngọc C có ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần S (sau đây gọi là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ vào văn bản ông C đã ký kết và thu nhập của ông C, Ngân hàng đã

đồng ý cấp cho ông C thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback số 436438-0386 với hạn mức là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng nói trên, ông C đã sử dụng thẻ để tiêu dùng cá nhân với tổng số tiền giao dịch là 198.273.000 đồng (một trăm chín mươi tám triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng) nhưng ông C chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 156.231.000 đồng (một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn đồng). Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở ông C thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông C không thực hiện. Do ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tín dụng đã ký kết nên khoản nợ trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Ngọc C phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 48.102.401 đồng (bốn mươi tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bốn trăm lẻ một đồng) và tiền nợ lãi (tính đến ngày 16/4/2025) là 44.833.237 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng); thanh toán phí trễ hạn là 1.097.954 đồng (một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng) và phí vượt hạn mức 109.195 đồng (một trăm lẻ chín nghìn một trăm chín mươi lăm đồng). Ngoài ra Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông C phải chịu tiền nợ lãi trên số dư nợ gốc tính từ ngày 17/4/2025 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà ông C và Ngân hàng đã ký kết.

Bị đơn ông Trần Ngọc C vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như các tài liệu, chứng cứ mà phía Ngân hàng thương mại cổ phần S cung cấp và đề nghị ông Trần Ngọc C có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng phía ông Trần Ngọc C không đến Tòa án làm việc và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thể hiện việc ông C có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Ngân hàng đã mở thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng cho ông C. Tuy nhiên sau khi sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch và còn dư nợ lại số tiền 48.102.401 đồng (bốn mươi tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bốn trăm lẻ một đồng) thì ông C đã không thanh toán nợ cho Ngân hàng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Trần Ngọc C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc

48.102.401 đồng (bốn mươi tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bốn trăm lẻ một đồng); số tiền nợ lãi (tính đến ngày 16/4/2025) là 44.833.237 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng); phí trễ hạn là 1.097.954 đồng (một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng) và phí vượt hạn mức 109.195 đồng (một trăm lẻ chín nghìn một trăm chín mươi lăm đồng). Ngoài ra ông C còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 17/4/2025 đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà ông C và Ngân hàng đã ký kết.

Về án phí: Ông Trần Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Trần Ngọc C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hữu Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C và ông Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/10/2022 mà Ngân hàng thương mại cổ phần S cung cấp thể hiện địa chỉ của ông Trần Ngọc C tại ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các tài liệu, văn bản thể hiện đầy đủ nội dung yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn đã giao nộp tại nhà của ông C thuộc ấp B, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai đồng thời yêu cầu ông C trình bày ý kiến mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông C không trả lời, không có ý kiến phản đối. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Một bên thừa nhận hoặc ***không phản đối*** những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn đã cung cấp để giải quyết vụ án.

[2.1] Thấy rằng tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/10/2022 ông C đề nghị Ngân hàng mở thẻ tín dụng cho ông C với hạn mức 50.000.000 đồng và đã được Ngân hàng phê duyệt cùng ngày. Sau khi được cáp thẻ tín dụng thì ông C đã sử dụng thẻ để thực hiện các giao dịch và hiện nay dư nợ gốc còn lại là 48.102.401 đồng (bốn mươi tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bốn trăm lẻ một đồng). Tuy nhiên ông C lại không thanh toán dư nợ gốc cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã ký kết, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tính đến ngày 16/4/2025, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 48.102.401 đồng (bốn mươi tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bốn trăm lẻ một đồng) và tiền nợ lãi là 44.833.237 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng) nên Hội đồng xét xử buộc ông Trần Ngọc C phải thanh

toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền này. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ông C đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 18/10/2022 nên căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 209; khoản 2, Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 thì Tòa án áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đang có hiệu lực pháp luật tại thời điểm các bên ký kết thỏa thuận tín dụng để giải quyết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi phát sinh: Ngân hàng yêu cầu ông Trần Ngọc C phải chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 17/4/2025 đến khi thanh toán xong số nợ gốc theo lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận khi ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Yêu cầu này của Ngân hàng P với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu ông Trần Ngọc C thanh toán phí trễ hạn là 1.097.954 đồng (một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng) và phí vượt hạn mức 109.195 đồng (một trăm lẻ chín nghìn một trăm chín mươi lăm đồng). Yêu cầu này phù hợp với nội dung cam kết được thể hiện tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà ông C đã ký kết với Ngân hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.707.000 đồng (bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3, Điều 209; khoản 2, Điều 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2, Điều 3; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Trần Ngọc C.

Buộc ông Trần Ngọc C phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 48.102.401 đồng (bốn mươi tám triệu một trăm lẻ hai nghìn bốn trăm lẻ một đồng); số tiền nợ lãi (tính đến ngày 16/4/2025) là 44.833.237 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng); phí trễ hạn 1.097.954 đồng (một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm

năm mươi bốn đồng) và phí vượt hạn mức 109.195 đồng (một trăm lẻ chín nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).

Đối với số tiền nợ gốc, kể từ ngày 17/4/2025, nếu ông Trần Ngọc C chậm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì ông Trần Ngọc C phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chậm thanh toán theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/10/2022 mà hai bên đã ký kết.

2. Về án phí:

Ông Trần Ngọc C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 4.707.000 đồng (bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.061.442 đồng (hai triệu không trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu số 0010259 ngày 13/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn ông Trần Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Vĩnh Cửu;
- CC.THADS H.Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Phát